

Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp - thực trạng và tác động đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam

ĐINH THỊ NGÀ

*B*ài viết đi sâu phân tích ảnh hưởng của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đến nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Những vấn đề chủ yếu đã được tác giả đề cập là: tác động tích cực của chính sách, bất cập của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và tác động đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, một số giải pháp đề xuất.

Nhận thức được tầm ảnh hưởng và vai trò quan trọng của chính sách thuế TNDN đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, trong những năm qua, chính sách thuế TNDN của Việt Nam đã liên tục được điều chỉnh để vừa hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, vừa không vi phạm các quy định về các biện pháp trợ cấp bị cấm của WTO.

1. Những tác động tích cực của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tới năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

1.1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh theo hướng ngày càng giảm nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tích lũy, đầu tư

Trong những năm qua, chính sách thuế suất thuế TNDN không chỉ là công cụ quan trọng để khuyến khích đầu tư trong nước, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài mà, còn có mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính thông qua giảm bớt nghĩa vụ đóng góp của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước.

Quan điểm chính sách đó thể hiện ở mức thuế thu nhập mà doanh nghiệp Việt Nam phải nộp đang từng bước được cắt giảm. Với mức thuế suất thuế TNDN giảm từ 32% xuống 28% (theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 1997 và 2003), giai đoạn 2004 - 2007, không kể thuế TNDN từ dầu khí, doanh

nh nghiệp Việt Nam đã được Nhà nước hỗ trợ trên 5000 tỷ đồng. Những hỗ trợ đó đã góp phần làm vốn đầu tư từ lợi nhuận để lại của doanh nghiệp tăng lên rất nhanh. Chỉ tính riêng khu vực kinh tế nhà nước, vốn đầu tư từ lợi nhuận để lại của doanh nghiệp từ năm 1999 đến năm 2007 bình quân chiếm gần 26% tổng nguồn vốn đầu tư. Nghiên cứu của Rand (2006) cho rằng lợi nhuận để lại là nguồn tài trợ đầu tư chính trong giai đoạn 2002 - 2005¹. Dự án sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (VNCI) cho rằng, thông qua chính sách ưu đãi đầu tư bằng thuế TNDN, các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam được hưởng tỷ lệ bao cấp đầu tư khá lớn từ Nhà nước. Theo đó, Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc bỏ qua tới 70% giá trị khoản thuế phải thu từ doanh nghiệp. Chính sách này vì thế tạo cơ hội cho doanh nghiệp tăng tích lũy, tăng đầu tư từ nguồn lợi nhuận để lại, giảm chi phí do không phải trả lãi sử dụng vốn vay.

Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008 quy định mức thuế TNDN được giảm thêm 3%, xuống còn 25%. Ước tính, với mức giảm này mỗi năm ngân sách nhà nước đã bỏ qua không thu từ thuế TNDN số tiền khoảng 5000 tỷ đồng. Điều này đồng nghĩa với năng lực tài

Đinh Thị Nga, ThS., Viện Kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

1. John Rand và Finn Tarp, Nhóm nghiên cứu kinh tế học phát triển (DERG) Khoa Kinh tế, Trường Đại học tổng hợp Copenhagen, Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam: kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2005.

chính của doanh nghiệp được tăng lên thông qua việc Nhà nước hỗ trợ cho toàn bộ các doanh nghiệp trong nền kinh tế số tiền 5000 tỷ đồng.

Năm 2009, trước những ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, Nhà nước đã cho phép doanh nghiệp nhỏ và vừa được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của quý 4/2008 và số thuế TNDN phải nộp của năm 2009. Số thuế TNDN còn phải nộp được chậm nộp 6 tháng so với quy định hiện hành. Ước tính, trong năm 2009, doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua chính sách giảm thuế khoảng 3.100 tỷ đồng. Số tiền chưa nộp vào ngân sách do được giãn, hoãn nộp thuế TNDN là khoảng 6.800 tỷ đồng. Với những ưu đãi như vậy, Nhà nước đã giảm bớt đi một phần đáng kể nghĩa vụ tài chính cho doanh nghiệp, tạo thêm tiềm lực tài chính cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, đổi mới thiết bị, bổ sung vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

1.2. Nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp được giảm nhẹ do nhiều khoản chi được mở rộng và cho phép đưa vào thu nhập chịu thuế

Một trong những nội dung quan trọng của chính sách thuế TNDN là quy định về các loại chi phí hợp lý được khấu trừ và định mức được khấu trừ đối với một số khoản chi. Đến nay, về cơ bản các khoản chi có chứng từ hợp lệ đều được đưa vào chi phí được trừ, doanh nghiệp còn được phép đưa vào nhiều khoản chi phí được trừ mà trước đây không được đưa vào khi xác định thu nhập chịu thuế như một số khoản tài trợ, tiền công, tiền thưởng... Quy định này không những làm giảm nghĩa vụ thuế giúp doanh nghiệp tăng lợi nhuận, tăng tích tụ vốn, khuyến khích đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu mà còn hỗ trợ việc hạch toán thuế thuận lợi hơn. Để khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chính sách thuế TNDN của Việt Nam cũng quy định tài sản cố định có thể được khấu hao ở mức tương thích với vòng đời kinh tế của tài sản, đồng thời khuyến khích áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực mà công nghệ liên tục thay đổi.

Thực hiện các cam kết hội nhập, đặc biệt là

cam kết trong WTO, Việt Nam đã điều chỉnh hầu hết các chính sách kinh tế theo hướng không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Tuy vậy, với đặc thù là số lượng doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ chiếm trên 90% doanh nghiệp với nguồn vốn hạn chế, công nghiệp lạc hậu, năng lực cạnh tranh thấp, Việt Nam xác định một trong những mục tiêu quan trọng mà chính sách thuế thu nhập cần hướng tới là bảo vệ các doanh nghiệp trước áp lực cạnh tranh, đồng thời hạn chế việc lợi dụng chi không đúng mục đích.

Với phương châm đó, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 12-06-2008 vẫn tiếp tục giới hạn tỷ lệ chi cho hoạt động quảng cáo, khuyến mại, tiếp thị, tiếp khách, môi giới là 10% tổng số chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế. Đối với doanh nghiệp thành lập mới, tỷ lệ chi phí cho hoạt động tiếp thị, quảng cáo được trừ cao hơn với mức tối đa là 15% trong 3 năm đầu, kể từ khi được thành lập, phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế được tăng lên không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay thay cho mức 120% trước đây (mức lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại).

1.3. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp mới thành lập trong các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn cũng như doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực then chốt, có tác động lan tỏa tới nhiều lĩnh vực khác trong nền kinh tế

So với Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2003, phạm vi, lĩnh vực ưu đãi thuế đã được giảm xuống. Đến nay, phạm vi của các hình thức ưu đãi thuế chủ yếu phụ thuộc vào lĩnh vực, vùng triển khai dự án đầu tư và chủ yếu áp dụng cho doanh nghiệp được thành lập mới. Ưu đãi về thời gian miễn giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp mới thành lập trong khu công nghiệp và một số ngành thuộc danh mục lĩnh vực ngành nghề ưu đãi đầu tư

quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP; doanh nghiệp sản xuất mới thành lập; doanh nghiệp di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; dự án đầu tư mở rộng đã được bãi bỏ. Ưu đãi thuế TNDN được xem xét theo địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, ngành nghề đặc biệt khuyến khích đầu tư và trong các lĩnh vực có khả năng lan tỏa, hỗ trợ các ngành, các lĩnh vực khác và

cũng là các lĩnh vực đang cản trở quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam như công nghệ cao, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng như nước, điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga và sản xuất phần mềm. Doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực này có quy mô lớn, công nghệ cao, mới thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể lên tới 30 năm.

BẢNG: Các hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp²

Điều kiện	Mức thuế áp dụng	Thời gian áp dụng (năm)	Thời gian miễn thuế	Thời gian giảm 50% mức thuế
Doanh nghiệp thành lập mới:				
- Tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao	10%	15	4	9
- Thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm	10%	15	4	9
Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường	10%	Suốt thời gian hoạt động	4	9
Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân	10%	15	Các năm còn lại 20%	
- Tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	20%	10	2	4
Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường	10%	Suốt thời gian hoạt động	4	5
Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ	Giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động nữ.			
Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số	Giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số			

Với chính sách ưu đãi này, Nhà nước không chỉ hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính và khả năng tích lũy vốn một cách trực tiếp cho doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này, mà còn gián tiếp hỗ trợ toàn bộ các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế vì doanh nghiệp ngành kết cấu hạ tầng cung ứng đầu vào cho các doanh nghiệp khác.

1.4. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực góp phần tạo ra năng lực cạnh tranh bền vững, dài hạn như nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục đào tạo và dạy nghề

Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt

động. Để khuyến khích doanh nghiệp chủ động đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới thiết bị... hàng năm doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Chính sách thuế hướng tới mục tiêu thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ thông qua quy trình miễn thuế thu nhập cho tổ chức, cá nhân góp vốn bằng Bằng sáng chế, giải pháp công nghệ... Cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi

2. Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 và Thông tư 130/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn thuế TNDN cho phần thu nhập tăng thêm trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bảy năm tiếp theo. Doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ có tiếp nhận công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao được miễn thuế thu nhập trong bốn năm, với điều kiện tổng giá trị miễn thuế không vượt quá 50% tổng kinh phí đầu tư cho đổi mới công nghệ. Cơ sở ương tạo công nghệ, cơ sở ương tạo doanh nghiệp công nghệ được miễn thuế thu nhập trong bốn năm, được giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong chín năm tiếp theo và được miễn thuế sử dụng đất. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế...

Thêm vào đó, việc Nhà nước thực thi chính sách cho phép doanh nghiệp trích 10% thu nhập tính thuế (thực chất là lợi nhuận trước thuế) để lập quỹ phát triển khoa học công nghệ cho phép doanh nghiệp có được một nguồn tài chính phục vụ hoạt động nâng cao năng lực công nghệ. Với quy định này, doanh nghiệp hoạt động càng hiệu quả càng có thêm nhiều nguồn lực cho đổi mới công nghệ và ngược lại. Khi doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, mức đóng viên thuế chỉ tính trên 90% thu nhập trước thuế, nên thực chất mức thuế áp dụng chỉ là 22,5%. Do đó, có thể dự báo rằng tác động của chính sách này là tích cực đối với doanh nghiệp.

2. Bất cập của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp và tác động đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

Quá trình điều chỉnh chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam đã tạo ra những tác động tích cực, đồng thời vẫn tồn tại nhiều bất cập cần tiếp tục tháo gỡ.

2.1 Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam còn khá cao trong tương quan với thuế thu nhập doanh nghiệp của nhiều quốc gia trên thế giới

Những điều chỉnh trong mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạo ra những hỗ trợ rất đáng kể cho doanh nghiệp. Tuy vậy,

đó mới là các kết quả đạt được khi xem xét với chính các chính sách của Việt Nam trong quá khứ. Nếu xem xét trên bình diện quốc tế, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp chưa tạo được bước đột phá về năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, bởi lẽ so với mức thuế suất bình quân của các nước là 27%, các nước đang phát triển là 29%, mức thuế TNDN của Việt Nam ở mức trung bình, tuy nhiên vẫn cao so với các nước trong khu vực. Thuế TNDN của Việt Nam cao hơn nhiều so với mức 13% và 20% của Hàn Quốc, 19% của Xingapo và bằng mức 25% của Trung Quốc, trong khi doanh nghiệp của các quốc gia này đều có năng lực cạnh tranh cao hơn doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia này vẫn đang tiếp tục lộ trình cắt giảm thuế với mức cắt giảm nhanh hơn. Trong số 83 nền kinh tế được Bộ Tài chính khảo sát thì mức thuế suất 25% của Việt Nam cao hơn thuế suất của 25 nền kinh tế, bằng với 9 nền kinh tế khác và nếu cộng cả những nền kinh tế thực hiện thuế suất lũy tiến thì mức thuế 25% của Việt Nam cao hơn mức thuế phổ thông của 30 nền kinh tế.

Như vậy, mặc dù thuế suất thuế TNDN của Việt Nam có thể được coi là đã điều chỉnh theo hướng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô, tăng cường tích lũy vốn, tuy vậy so với thực tiễn điều chỉnh chính sách thuế của các quốc gia trên thế giới, thì chính sách thuế của Việt Nam vẫn ở khoảng cách khá xa trong việc tăng cường năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong điều kiện Việt Nam đã bắt đầu áp dụng Luật thuế thu nhập cá nhân, thuế suất thuế TNDN cần được giảm xuống thấp hơn mức hiện hành để tiếp tục thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

2.2 Quy định về thu nhập chịu thuế chưa phù hợp với thông lệ và thực tế hoạt động của doanh nghiệp

Mặc dù quy định về xác định thu nhập chịu thuế được mở rộng có tác động làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, tuy vậy, theo quy định hiện hành, chi phí cho khuyến mại, quảng cáo... là thấp so với nhu cầu thực tế của một bộ phận doanh nghiệp, chưa phù

hợp với thông lệ quốc tế và kém linh hoạt khi áp dụng chung cho các doanh nghiệp trong khi nhu cầu chi tiêu cho khoản mục này phụ thuộc nhiều vào đặc thù ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Quy định này làm hạn chế khả năng xây dựng thương hiệu, tiếp cận và cạnh tranh thị trường. Quy định này không chỉ làm thiệt hại cho các doanh nghiệp thực tế đã chi vượt cho các hoạt động này (trên 10% tổng chi) - số này là phổ biến trong hoàn cảnh việc xây dựng thương hiệu đòi hỏi chi phí rất lớn, mà về lâu dài còn là nguyên nhân gây ra tình trạng bất bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp có quy mô khác nhau và nhu cầu khác nhau về quảng cáo, khuyến mại, xây dựng thương hiệu...

Quy định các khoản tiền thưởng cho người lao động không mang tính chất tiền lương, các khoản tiền thưởng không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể, không được coi là chi phí hợp lý được khấu trừ đã gián tiếp ngăn cản các doanh nghiệp tạo điều kiện cải thiện đời sống của người lao động (trong hoàn cảnh các khoản thưởng thành tích cá nhân, các hoạt động văn hóa - thể thao dành cho tập thể người lao động... hầu hết đều không được quy định trước trong hợp đồng lao động hay thỏa ước tập thể, mà phụ thuộc vào khả năng tài chính, kết quả kinh doanh thực tế của doanh nghiệp từng thời kỳ cũng như thành tích của người lao động). Quy định này làm cho mục tiêu tăng cường lợi ích cho người lao động, thúc đẩy tái tạo sức lao động bị hạn chế, trong khi đây là yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, năng suất, khả năng sáng tạo của người lao động - những vấn đề quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Bất cập của chính sách thuế TNDN hiện hành còn thể hiện ở việc đánh thuế thu nhập 2 lần với cùng một khoản thu nhập là khoản tiền lương của chủ doanh nghiệp tư nhân (DNTN) do không cho phép trừ tiền lương, tiền công của chủ DNTN khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với doanh nghiệp tư nhân. Do đó, khoản tiền này bị áp dụng hai loại thuế là thuế TNDN và thuế thu nhập cá

nhân. Điều này rõ ràng là bất bình đẳng so với quy định về thuế đối với tiền lương của người lao động bình thường chỉ phải chịu thuế thu nhập cá nhân mà không phải chịu thuế TNDN.

Ngoài ra, còn rất nhiều các quy định không rõ ràng có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong nghĩa vụ thuế giữa các doanh nghiệp, cũng như ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp như quy định về mức tiêu hao hợp lý, quy định về khấu hao tài sản cố định... Các quy định mang tính "mở" như "thu nhập khác" trong thu nhập chịu thuế đã đẩy rủi ro sang phía doanh nghiệp và tạo ra sự không minh bạch trong việc giải thích thu nhập nào bị đánh thuế, thu nhập nào không.

2.3. Chính sách ưu đãi thuế chưa thực sự hiệu quả do đó còn có hạn chế trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

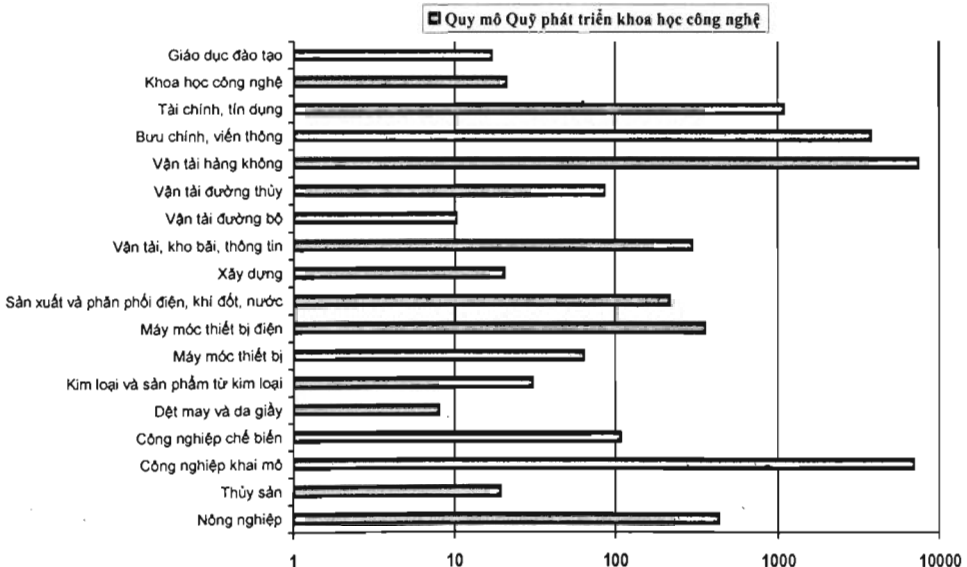
Thực tiễn triển khai chính sách thuế TNDN trong những năm qua cho thấy tác động của ưu đãi thông qua miễn, giảm thuế TNDN còn hạn chế bởi lẽ các chính sách ưu đãi chủ yếu được thực hiện trong các lĩnh vực và địa bàn mà Nhà nước khuyến khích đầu tư và cũng chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp mới thành lập hoặc doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất. Doanh nghiệp muốn được hưởng ưu đãi về thuế phải đầu tư vào các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, mà thông thường kết cấu hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực ở các địa bàn này không thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Ở các địa bàn này, doanh nghiệp đầu tư vào nước ngoài có quy mô vốn, trình độ công nghệ cao cũng không muốn đầu tư do không chỉ gặp phải các bất lợi về chi phí, mà còn do các bất lợi khan hiếm nguồn lực. Doanh nghiệp Việt Nam với quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ lạc hậu càng không thể đầu tư vào những địa bàn này. Bên cạnh đó, thủ tục để được ưu đãi về thuế TNDN còn quá nhiều phức tạp đã gây khó khăn cho doanh nghiệp khi kê khai và chứng minh, dẫn đến doanh nghiệp mất khá nhiều thời gian và chi phí mới được hưởng ưu đãi.

Bất cập của chính sách này thể hiện rõ trên thực tế qua việc phần lớn doanh nghiệp lựa chọn đầu tư ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi, tập trung ở các thành phố, đô thị lớn³. Hiệu quả hạn chế của chính sách ưu đãi thuế thu nhập cũng thể hiện qua việc đánh giá vai trò của yếu tố thuế trong quyết định đầu tư của doanh nghiệp⁴.

Bên cạnh đó, chính sách cho phép doanh nghiệp trích 10% thu nhập tính thuế để lập quỹ phát triển khoa học công nghệ được kỳ vọng là sẽ hỗ trợ doanh nghiệp có được một nguồn tài chính phục vụ hoạt động nâng cao năng lực công nghệ, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, có thể dự báo rằng không phải tất cả các doanh nghiệp đều được hưởng lợi từ chính sách này do ảnh hưởng của chính sách này đến các doanh nghiệp là không như nhau. Theo đó, chính

sách này sẽ làm gia tăng năng lực tích tụ tài chính đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, trong khi ảnh hưởng không nhiều đến doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm đa số doanh nghiệp ở Việt Nam và chủ yếu tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Thật vậy, mặc dù chính sách này mới ra đời và chưa có đủ số liệu để tính toán, nhưng nếu sử dụng số liệu về lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2006 (năm mà tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp khá cao) thì thấy rằng tính bình quân, số tiền để lại cho phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp chưa đến 130 triệu đồng một doanh nghiệp, trong đó bình quân doanh nghiệp nhà nước là trên 160 triệu đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước là trên 16 triệu đồng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là trên 2 tỷ đồng.

ĐỒ THỊ: Dự tính quy mô Quỹ phát triển khoa học công nghệ (đơn vị tính: triệu đồng)



Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu thực trạng doanh nghiệp Việt Nam năm 2006 của Tổng cục Thống kê

3. Thống kê cho thấy các khu công nghiệp, chế xuất tập trung chủ yếu ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...

4. Theo dự án "Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam" (VNCI), ưu đãi thuế TNDN chỉ xếp thứ bảy trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư, 89% DN được ưu đãi thuế TNDN đã khẳng định họ không thay đổi quyết định đầu tư dù không được hưởng ưu đãi thuế này. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, thuế chỉ xếp thứ 4 trong 5 yếu tố cơ bản để thu hút đầu tư (đứng sau cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính và chất lượng lao động).

Như vậy, nếu xét theo ngành nghề kinh doanh, khả năng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn như dệt may, da giày, thủy sản sẽ không thể phụ thuộc nhiều vào nguồn tài chính được tạo ra từ chính sách ưu đãi này, vì lượng tiền trích lại vào Quỹ đổi mới công nghệ bình quân tương ứng chỉ đạt 8 triệu đồng và 19,5 triệu đồng. Tương tự như vậy đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành tạo ra năng lực cạnh tranh trong dài hạn như khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, các ngành sản xuất đầu vào và sản phẩm trung gian như máy móc thiết bị... Các doanh nghiệp trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng được trích lại nhiều hơn các ngành khác nhưng vẫn rất nhỏ so với nhu cầu vốn lớn cho đầu tư vào các ngành này. Trong khi đó, những ngành liên quan đến khai thác tài nguyên, khai mỏ lại có được nguồn trích lại lớn nhất.

Số tiền trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ thấp, trong khi Nhà nước lại ràng buộc điều kiện trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%, hoặc sử dụng không đúng mục đích thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế TNDN tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó. Ràng buộc này có thể coi là làm triệt tiêu tác động tích cực của quy định 10% trích lập Quỹ vì trong 5 năm số tiền trích lập đối với nhiều doanh nghiệp là quá ít, không thể đổi mới công nghệ được. Hơn nữa, quy định này mặc dù thể hiện quan điểm hỗ trợ của Nhà nước cho hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, tuy vậy, yêu cầu đổi mới công nghệ của các ngành nghề không giống nhau, do đó, quy định này vừa chưa đủ sức hỗ trợ mạnh cho doanh nghiệp thực sự cần đổi mới công nghệ để cạnh tranh trong khi lại là ưu đãi không hiệu quả,

không cần thiết đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề ít phải đổi mới công nghệ như dịch vụ, tư vấn...

Tóm lại, chính sách thuế TNDN của Việt Nam đã có những hỗ trợ nhất định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Tuy vậy, so với các quốc gia khác, nhất là các quốc gia trong khu vực, mức thuế thu nhập mà doanh nghiệp Việt Nam phải đóng góp còn khá cao. Chẳng hạn, thuế TNDN của Việt Nam năm 2006 chiếm khoảng 35% tổng thu ngân sách nhà nước (không kể viện trợ), tương đương trên 10% GDP. Tỷ lệ này có xu hướng giảm ở các năm sau đó, tuy nhiên mức độ giảm không đáng kể và chỉ xoay quanh mức năm 2006. Trong khi đó thuế TNDN của Trung Quốc chỉ chiếm trên 20% tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm. Bên cạnh đó, hiệu quả của các chính sách ưu đãi thuế cũng còn nhiều hạn chế, chưa hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam

Để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, chính sách thuế TNDN cần phải tiếp tục được hoàn thiện theo hướng:

Một là, tiếp tục cắt giảm thuế suất thuế TNDN ít nhất phải ngang bằng với các nước cùng trình độ phát triển trong khu vực.

Hai là, quy định tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ khác nhau cho các doanh nghiệp trong các ngành nghề khác nhau. Để hỗ trợ có hiệu quả, tỷ lệ trích lại nên được quy định khác nhau cho phù hợp với năng lực của từng ngành nghề và mục tiêu ưu tiên của Nhà nước. Đối với những ngành cần nhiều vốn, áp dụng công nghệ hiện đại và chịu áp lực cạnh tranh lớn, các ngành mà sự phát

triển của nó liên quan đến các ngành khác thì tỷ lệ trích cần quy định cao hơn.

Ba là, Nhà nước cần cho phép doanh nghiệp lựa chọn việc thành lập Quỹ theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Chẳng hạn, thay vì lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ, cho phép doanh nghiệp không có nhu cầu lớn về phát triển khoa học công nghệ, nhưng lại có nhu cầu cấp thiết về các hoạt động khác như đào tạo để nâng cao trình độ người lao động, quản lý, lập Quỹ phát triển nguồn nhân lực...

Bốn là, để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ cần có chính sách ưu đãi trong khấu hao theo từng lĩnh vực, ngành nghề. Tức là tùy vào từng ngành nghề, căn cứ vào thời gian hao mòn hữu hình, đặc biệt là thời gian hao mòn vô hình của tài sản cố định, Nhà nước sẽ xác định độ dài của các giai đoạn khấu hao, trình tự khấu hao để đưa ra nguyên tắc khấu hao cho thích hợp với từng ngành nghề, từng giai đoạn sản xuất. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực mà công nghệ thay đổi liên tục thì cho phép khấu hao nhanh hơn các lĩnh vực khác. Đồng thời, cần cụ thể hóa điều kiện để trích khấu hao nhanh

Năm là, kết hợp chính sách ưu đãi thuế TNDN theo địa bàn với ưu đãi theo quy mô dự án để khuyến khích các dự án có quy mô lớn, hạn chế việc chia nhỏ dự án để hưởng các ưu đãi đầu tư. Chú trọng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực trọng điểm, áp dụng mức độ ưu đãi cao hơn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất sản phẩm thâm dụng vốn, lao động nhiều chất xám, đồng thời vẫn tiếp tục ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm khai thác được lợi thế của Việt Nam như sử dụng nhiều lao động, sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương...

Sáu là, cho phép doanh nghiệp mới thành lập tăng tỷ lệ chi phí quảng cáo, khuyến mại để gia tăng năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường. Trong trường hợp chi phí quảng cáo phát sinh lớn có thể cho phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm sau. Về dài hạn, Nhà nước nên bỏ quy định khống chế mức chi cho hoạt động quảng cáo, quảng bá thương hiệu cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bảy là, Nhà nước cần đơn giản hóa thủ tục cấp ưu đãi thuế TNDN để chính sách ưu đãi thuế thực sự là động lực khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Quy trình giải quyết miễn giảm thuế phải rõ ràng phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế và trình độ của doanh nghiệp.

Tám là, trong chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhà nước cần quy định một cách cụ thể các loại thu nhập chịu thuế để tạo ra sự rõ ràng, minh bạch trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là đòi hỏi tất yếu trong điều kiện Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Bên cạnh nỗ lực của doanh nghiệp, chính sách kinh tế của Nhà nước trong đó có chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp được coi là có tác động quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh thể chế chính sách của Việt Nam còn chưa hoàn thiện, lại phải cạnh tranh với các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế phát triển, hệ thống chính sách đạt đến độ chuẩn mực. Chính vì vậy, cùng với các chính sách kinh tế khác, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam cần tiếp tục được đánh giá và hoàn thiện để tạo thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập./.